TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31-07-2026
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tùng
Bà Trần Thị Mộng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 242/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990
Căn cước công dân số 036090015708 cấp ngày 10/05/2021
Địa chỉ: Tổ G, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1987
Căn cước công dân số 077087010167 cấp ngày 17/11/2022
Địa chỉ: Tổ G, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hồng T tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 29/5/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại tổ G, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên

cãi vã. Vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ đó đến nay. Bà L nhận thấy đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Bà L và ông T có 03 con chung là Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 19/8/2015; Nguyễn Bảo N, sinh ngày 26/6/2017 và Nguyễn Tài Đ, sinh ngày 11/5/2022. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung. Tại đơn khởi kiện, bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L vẫn giữ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung nhưng không còn yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng T nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Ly hôn". Bị đơn ông Nguyễn Hồng T cư trú tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do

đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hồng T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 29/5/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

Bà L xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2025 do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và không thể hiện ý chí hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Xét thấy, giữa bà L và ông T không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau; vợ chồng không còn chung sống, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông T có 03 con chung là Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 19/8/2015; Nguyễn Bảo N, sinh ngày 26/6/2017 và Nguyễn Tài Đ, sinh ngày 11/5/2022.

Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung. Các con đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Ông T không tham gia tố tụng, không có ý kiến về người trực tiếp nuôi con và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Xét nguyện vọng của các con phù hợp với hoàn cảnh thực tế; các con còn nhỏ, cần được ổn định về nơi ở, học tập và sinh hoạt. Việc giao cả ba con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng còn bảo đảm các con được sống cùng nhau, duy trì tình cảm giữa chị em. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử giao các cháu Nguyễn Thùy T1, Nguyễn Bảo N và Nguyễn Tài Đ cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại đơn khởi kiện, bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L không còn yêu cầu ông T cấp dưỡng. Xét việc bà L rút yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hồng T.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 19/8/2015; Nguyễn Bảo N, sinh ngày 26/6/2017 và Nguyễn Tài Đ, sinh ngày 11/5/2022 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Nguyễn Hồng T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng.

Bà L không yêu cầu Toà xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của người có quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024514 ngày 17/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân KV 13 – TP. HCM;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Phước Hải, TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Đinh Thị Châm